

I M GI A K H c k l n m h c 2012-2013 - KHMT - T i t 101112-Th 3-RD105

STT	Mã sinh viên	H tên	Tên	Mã l p	i m GK (10%)	i m GK (20%)	i m thi (70%)	T ng
1	11149086	Nguy n Th Vân	Anh	DH11QM	8	7	7.5	7.45
2	11329002	Nguy n Qu c	Anh	CD11TH	3	7	5.4	5.48
3	11329062	Tr n Tu n	Anh	CD11TH	3	7	5.5	5.55
4	11329007	Hu nh Ng c	Âu	CD11TH	0	0	0	0
5	11147095	Võ Th Kim	Châu	DH11QR	7	7	6	6.3
6	11336024	Nguy n Xuân	Chúc	CD11CS	7	7	5	5.6
7	10117020	Tr n Th	Cúc	DH10CT	9	8	7.5	7.75
8	11333001	Lê Bá Khánh	Dân	CD11CQ	0	0	0	0
9	11149466	Lê Vi t	D ng	DH11QM	10	8	5	6.1
10	10329006	Nguy n Tr n Anh	Duy	CD10TH	7	7	4	4.9
11	11157121	Nguy n V ng	H i	DH11DL	10	8.5	7.7	8.09
12	12132141	Nguy n Th M	H nh	DH12SP	10	8	6.5	7.15
13	11141069	Nguy n Quang	H u	DH11NY	6	7	5.5	5.85
14	11149194	Ngô c	Huy	DH11QM	9	8.5	5.8	6.66
15	11329056	V Thành	Huy	CD11TH	8	7.5	6.5	6.85
16	11329142	Võ Hoàng	Huy	CD11TH	7	7.5	3.5	4.65
17	11336116	ng Minh	Kha	CD11CS	9	8	6	6.7
18	10116061	Lê Anh	Khoa	DH10NT	9	7.5	6.5	6.95
19	11336237	Nguy n Th M	Linh	CD11CS	7	7	5.3	5.81
20	11329065	Ngô c	Loan	CD11TH	5	7	3	4
21	11336134	Lâm Th	Mai	CD11CS	7	7.5	5	5.7
22	12132152	Nguy n TràTháiNg	Nh ng	DH12SP	7	7	6.5	6.65
23	10116094	Lê H ng	Phong	DH10NT	10	7	7.5	7.65
24	12132070	Bùi Th	Ph ng	DH12SP	7	7.5	7.3	7.31
25	11329031	V n	Quân	CD11TH	0	0	v	#VALUE!
26	10130067	Nguy n Tr n	Quí	DH10DT	8	8	7.5	7.65
27	10116112	Tr n V n	Tâm	DH10NT	10	8	7.2	7.64
28	11336169	Nguy n Ph ng	Tâm	CD11CS	8	8.5	8.5	8.45
29	11336251	Ngô c	Th	CD11CS	9	8	6	6.7
30	10116133	ng Th Anh	Th	DH10NT	10	7.5	7.5	7.75
31	11128099	Nguy n Anh	Th	DH11AV	6	7	6.5	6.55
32	11149379	Tr n V n	Ti n	DH11QM	0	0	0	0
33	11157435	Lê ình	Ti n	DH11DL	10	8.5	6.5	7.25
34	11336021	Lê Th Ng c	Trâm	CD11CS	10	8.5	7	7.6
35	11329109	Lê Tr n V n	Tr ng	CD11TH	3	7	4.5	4.85

36	9336229	Hu nh Quang i n	Tu n	CD09CS	10	7.5	7.8	7.96
37	11128113	L u Th	Tuy n	DH11AV	5	7	8	7.5
38	11149058	Nguy nD g Minh	Tuy t	DH11QM	10	8.5	7.5	7.95
39	11336064	Ph m	Vi t	CD11CS	9	8	5	6
40	11329100	H Tu n	V	CD11TH	0	0	v	#VALUE!
41	11128121	Lê Th Kim	Y n	DH11AV	5	7	7	6.8
42	11149451	Tr n Ng c H i	Y n	DH11QM	10	8.5	7.8	8.16

